

Bản án số: 64/2020/HS-ST
Ngày 25-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Anh Đào

Ông Trần Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Mỹ Dung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Tâm, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo: Thái Trung N (tên gọi khác: Thiện), sinh ngày 19/10/1993; tại huyện T. Nơi cư trú ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Phước T, sinh năm 1952 và bà Trang Thị C, sinh năm 1959; bị cáo có vợ tên Trần Dương N, sinh năm 1996; con 01 người sinh ngày 15/6/2020; tiền án: có 01 tiền án, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2018/HSST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: không có; nhân thân: xấu; bị khởi tố vào ngày 21/9/2020 và bị bắt tạm giam kể từ ngày 30/9/2020, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Trang Thị C, sinh năm 1959. Nơi cư trú: ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Thái Thị N D, sinh năm 1984. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

Bà Trần Dương N, sinh năm 1996. Nơi cư trú: ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Cáo trạng số: 68/CT-VKS-HS ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Thái Trung N về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi bị cáo bị truy tố như sau:

Vào ngày 22/6/2020, chị Thái Thị Ngọc D, sinh năm 1984 đến tiệm vàng Phước Việt thuộc ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh mua 01 (một) chiếc nhẫn vàng, loại vàng 18K, khối lượng 3,69gam. Sau khi mua xong, do nhà chị D không có chỗ quản lý an toàn nên chị D mang đến nhà mẹ ruột tên Trang Thị C, sinh năm 1959, cùng địa chỉ với chị D để gửi bà C cất giữ dùm, bà C đồng ý. Sau khi nhận vàng từ chị D, bà C đem chiếc nhẫn vàng cất vào trong tủ kéo cửa bàn đựng tiền bán tạp hóa hàng ngày của bà C. Đến ngày 10/7/2020, chị D đến gặp bà C để lấy lại chiếc nhẫn vàng nêu trên, bà C đi đến bàn đựng tiền bán tạp hóa kiểm tra thì không thấy chiếc nhẫn vàng của chị D gửi. Bà C tiến hành mở camera xem thì phát hiện bị cáo Thái Trung N là người trực tiếp lấy trộm chiếc nhẫn vàng, cùng với số tiền 30.000 đồng trong tủ. Ngày 02/8/2020, bà C đến Cơ quan Công an huyện Trà Cú tố giác hành vi trộm cắp của bị cáo N. Nhận được tố giác của bà Trang Thị C, Cơ quan Công an huyện Trà Cú tiến hành đến hiện trường để điều tra xác minh và mời bị cáo về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan Công an bị cáo N đã thừa nhận hành vi trộm của mình cụ thể như sau: Ngày 10/7/2020 trong lúc phụ bà C trông coi nhà thì bị cáo N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền sử dụng vào mục đích chơi game bắn cá. Sau khi nảy sinh ý định, bị cáo N lợi dụng lúc bà C đang lo bán đồ tạp hóa cho khách không để ý, bị cáo lén lút đi đến chỗ tủ đựng tiền rồi nhanh chóng kéo ngăn tủ ra, lấy trộm số tiền mặt 30.000 đồng (gồm nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau), bị cáo bỏ tiền vào túi quần. Sau đó, bị cáo còn phát hiện trong tủ có một bao bì bằng giấy, bên trong có một hộp nhựa màu đỏ (loại hộp nhựa để đựng trang sức), bị cáo nghĩ rằng sẽ có vàng bên trong nên liền lấy bao bì giấy bỏ vào túi quần rồi đi ra nhà sau mở bao bì, chiếc hộp ra, bị cáo N thấy bên trong có một chiếc nhẫn vàng nên lấy cất vào túi quần. Nhằm tránh bà C không biết vàng bị mất, bị cáo gỡ lấy vòng sắt bao quanh đầu hột quẹt ga để vào trong hộp nhựa rồi cho vào hộp nhựa trong bao bì giấy, cất vào vị trí ban đầu trong ngăn tủ kéo.

Sau khi trộm được các tài sản nêu trên bị cáo đem chiếc nhẫn vàng đến tiệm vàng Bảo Hải thuộc ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh để bán nhưng chủ tiệm vàng không mua. Sau đó, bị cáo mới mang chiếc nhẫn vàng đến bán tại tiệm vàng Hồng Diễm do ông Trầm Hữu H, sinh năm 1967, cư trú ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh làm chủ với giá 2.100.000 đồng. Bị cáo N đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. (bút lục 01-06; 62-102).

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 27, ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của huyện Trà Cú kết luận: Tại thời điểm xảy ra vụ trộm cắp tài sản (ngày 10/7/2020): 01 (một) chiếc nhẫn vàng 18K, khối

lượng 3,69gam, trị giá là 3.293.000đ (Ba triệu hai trăm chín mươi ba nghìn đồng). (Bút lục 16-17).

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Trang Thị C đúng như cáo trạng truy tố. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị với Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản ” và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, do bị cáo có con nhỏ nên đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51, tuy nhiên bị có tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 52; Áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 12 tháng tù đến 24 tháng tù. Về dân sự bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không xét, về vật chứng đề nghị tịch thu tiêu hủy do không còn giá trị sử dụng và bị hại cũng không có yêu cầu nhận lại. Về án phí buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Thái Trung N trình bày tranh luận: Việc bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản là đúng nhưng tài sản trộm là của mẹ ruột, đồng thời bị cáo có con còn nhỏ, vợ bị cáo mới sinh con được hơn sáu tháng, nếu phải chấp hành án như Viện kiểm sát đề nghị thì vợ con của bị cáo không có người chăm sóc nên xin được giảm nhẹ hình phạt xuống còn từ 09 tháng đến 12 tháng tù để bị cáo sớm về đoàn tụ gia đình.

Vị đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Việc Viện kiểm sát đề nghị mức án từ 12 tháng tù đến 24 tháng tù là đã xem xét các tình tiết theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không phải phạm tội lần đầu mà thuộc trường hợp tái phạm, mặc dù tài sản trộm là của người thân trong gia đình nhưng luật không quy định tài sản là của người thân thì sẽ nhẹ hơn mà phải được pháp luật bảo vệ bình đẳng như nhau, do đó việc đề nghị mức án nêu trên là phù hợp đối với bị cáo.

Bị cáo không tranh luận bổ sung.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận chỉ yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về đoàn tụ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai bị hại Trang Thị C, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản và phù hợp với các biên bản

hoạt động điều tra. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ để xác định bị cáo Thái Trung N đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bị hại Trang Thị C là sự việc có thật, cụ thể như sau: Ngày 10/7/2020 bị cáo lén lút đi đến chỗ tủ đựng tiền của bà Trang Thị C rồi nhanh chóng kéo ngăn tủ ra, lấy trộm số tiền mặt 30.000 đồng (gồm nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau) và một chiếc nhẫn vàng, loại vàng 18K, khối lượng 3,69gam, trị giá là 3.293.000đ (Ba triệu hai trăm chín mươi ba nghìn đồng). Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt của bà C là 3.323.000 đồng. Việc bị cáo có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bà C nêu trên là đã phạm vào tội trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Hành vi phạm tội bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo không chỉ xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội ở địa phương. Trong vụ án không có đồng phạm, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo là muốn lấy tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài để thỏa mãn cho mục đích vụ lợi cá nhân.

[3] Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã một lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản, quá trình chấp hành án phạt tù bị cáo đã được cải tạo, giáo dục nhưng vẫn không từ bỏ được hành vi sai trái, vừa chấp hành án xong, chưa được xóa án tích bị cáo tiếp tục tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tù nghiêm khắc mới đủ tác dụng, giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, do đó mức án mà Viện đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị thiệt hại trị giá không lớn, bị cáo đã bồi thường, khắc phục xong và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có con còn nhỏ phù hợp với quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không giải quyết.

[5] Về vật chứng: 01 (một) hộp nhựa đựng vàng màu đỏ có chữ “VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ” màu vàng; 01 bao bì bằng giấy có kích thước 7,2cm x 9,2cm có chữ “Tiệm vàng”, do bị hại không yêu cầu nhận lại và cũng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố và thấy rằng các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, các quyết

định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Thái Trung N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Thái Trung N 01 (một) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày 30/9/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 (một) hộp nhựa đựng vàng màu đỏ có chữ “VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ” màu vàng; 01 bao bì bằng giấy có kích thước 7,2cm x 9,2cm có chữ “Tiệm vàng” (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/11/2020 giữa Công an huyện Trà Cú với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú).

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Trà Cú;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Cơ quan CSĐTCA huyện Trà Cú;
- Cơ quan THAHSCA huyện Trà Cú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Phúc